台北富邦銀行 Taipei Fubon Bank × 40 ONE

Bảng hướng dẫn này giúp bạn giao tiếp về nhu cầu dịch vụ tài chính cơ bản bằng ngôn ngữ mẹ đẻ, hoan nghênh bạn sử dụng.
本指南能協助您以母語溝通基本金融服務需求，歡迎自由使用。

Hướng dẫn sử dụng các dịch vụ ngân hàng thông dụng

銀行常用服務使用指南

Tiếng Việt 越南語

我們相信每一位來到台灣的朋友，都應享有平等且安心的金融服務。

隨著越來越多來自東南亞的移工和新住民成為台灣社會的一份子，
台北富邦銀行與 One-Forty 合作推出東南亞語版《銀行常用服務使用指南》。

希望透過母語友善溝通，
協助在台移工和新住民了解銀行帳戶功能、操作流程與基本金融權益。

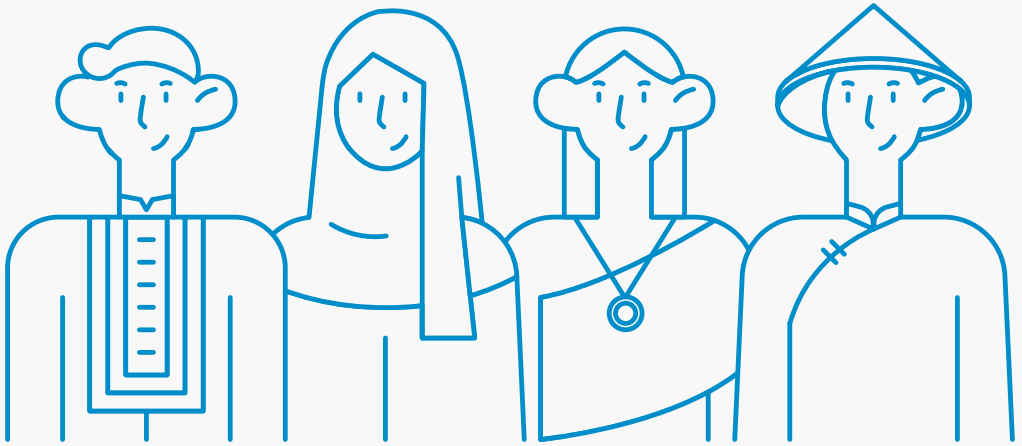

Tài khoản ngân hàng có thể làm gì?

存款帳戶可以做什麼

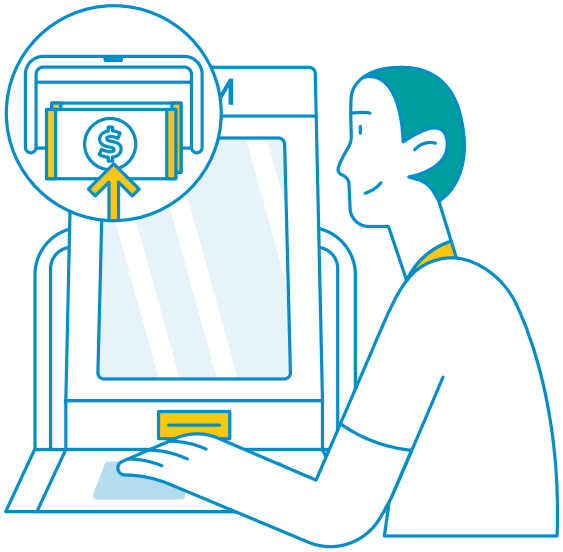

Nạp tiền.

Người khác cũng có thể gửi tiền vào tài khoản của bạn.

存錢。

別人也可以把錢存進您的帳戶。

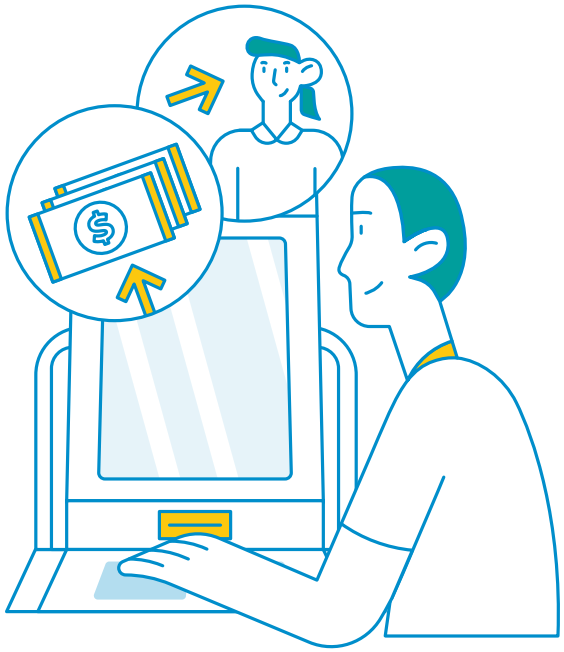

Rút tiền.

Bạn cũng có thể sử dụng tài khoản của mình để chuyển tiền cho người khác.

領錢。

您也可以用您的帳戶，轉錢給別人。

Mở tài khoản ngân hàng tại Đài Loan, không chỉ giúp bạn bảo quản tiền an toàn, dễ dàng quản lý chi tiêu hàng ngày và tiết kiệm, còn có thể nhận lãi suất, giúp bạn lập kế hoạch tốt hơn cho tương lai.

在台灣的銀行開戶，不僅能安全存放資金、輕鬆管理日常開銷與儲蓄，還能享有存款利息，為未來做更好的規劃。

Những thứ cần mang khi mở tài khoản ngân hàng

去銀行開戶要帶的東西

Cần thiết **Thẻ cư trú (ARC):** Thẻ cư trú còn trong thời hạn

必要 **居留證**：需在居留許可效期以內

Cần thiết **Giấy tờ thứ hai:** Giấy tờ có ảnh, như hộ chiếu, bảo hiểm y tế, bằng lái xe của Đài Loan hoặc Việt Nam

必要 **第二證件**：有照片之證件，例如護照、健保卡、本國或母國駕照

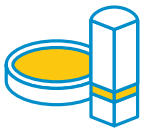

Cần thiết **Con dấu:** Con dấu của bạn hoặc chữ ký sống

必要 **印鑑**：您的印章或親筆簽名

Tiền mặt: Nạp vào tài khoản sau khi mở tài khoản

現金：開戶後可存入帳戶

Giấy tờ tuỳ thân ở quốc gia của bạn

母國的身分證明文件

Giấy chứng minh công việc/lương (nếu bạn không cung cấp được, ngân hàng có thể sẽ gọi đến nơi làm việc của bạn để xác nhận với chủ lao động về tình trạng việc làm hiện tại của bạn)

工作 / 薪資證明（若您無法提供，銀行可能會撥打電話至您的工作場所，與雇主確認您的工作現況）

Nếu bạn đọc được tiếng Trung, có thể quét mã QR bằng điện thoại di động và điền hẹn trực tuyến để mở tài khoản, có thể rút ngắn thời gian chờ đợi, và đẩy nhanh quá trình mở tài khoản.

如果您可以閱讀中文，手機掃描 QRcode 事先填寫線上預約開戶，可縮短等待時間、並加速開戶流程。

Khi mở tài khoản, ngân hàng sẽ hỏi các câu hỏi: Thông tin cơ bản của bạn

開戶時，銀行會問的問題：你的基本資料

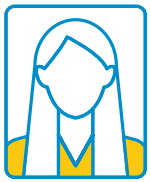

Chụp ảnh chân dung tại chỗ.

現場會拍大頭照。

Tình trạng nộp thuế ở Đài Loan hoặc các nước khác. Ngân hàng sẽ yêu cầu bạn điền vào "**Tờ khai tự xác nhận FATCA và CRS cho khách hàng cá nhân và giấy đồng ý về thông tin cá nhân**", mời quét mã QR để xem hướng dẫn chi tiết cách điền.

在台灣或其他國家的繳稅狀況。

銀行會請您填寫「**FATCA 及 CRS 個人客戶自我聲明書暨個人資料同意書**」，詳細填寫方式請掃描 QRcode。

Bạn muốn tên tài khoản là tiếng Anh hay cả tiếng Trung và tiếng Anh?

您希望戶名為英文、還是中文與英文一起留存？

1. Sử dụng tiếng Anh 使用英文

Chuyển tiền ở Đài Loan và nước ngoài đều sử dụng tên tài khoản này.

於台灣或跨境匯款都使用此戶名。

2. Sử dụng song ngữ tiếng Trung và tiếng Anh 使用中文與英文一起留存

Chuyển tiền ở Đài Loan sử dụng tên tài khoản tiếng Trung, chuyển tiền nước ngoài sử dụng tên tài khoản tiếng Anh.

於台灣匯款使用中文戶名、跨境匯款使用英文戶名。

Khi mở tài khoản, ngân hàng sẽ hỏi các câu hỏi: Công việc của bạn

開戶時，銀行會問的問題：您的工作及聯絡資訊

Bạn làm việc ở đâu?

您在哪裡工作?

Chức danh công việc của bạn? (Bạn làm công việc gì, ví dụ: Kỹ thuật viên nhà máy, khán hộ công gia đình)

您的**工作職位名稱**？(例如工廠技術員、家庭看護工)

Thu nhập hàng tháng của bạn bao nhiêu?

請問您目前的月薪為多少?

Địa chỉ hiện tại bằng tiếng Trung và tiếng Anh.

現在**居住地址**的中文及英文。

Bạn có thể quét mã QR bên dưới để tra cứu địa chỉ tiếng Anh.

英文地址可掃描 QRcode 進行查詢。

Bạn muốn nhận thông báo từ ngân hàng bằng phương thức nào:

您希望收取銀行通知信件的方式?

Bản giấy 紙本

Cần cung cấp địa chỉ có thể nhận thư.

需提供可以收到信件的地址。

Bản điện tử 電子

Cần cung cấp địa chỉ email của bạn. Khi mở tài khoản, bạn sẽ nhận được email xác nhận từ ngân hàng.

需提供您的 E-mail 信箱。
開戶現場會請您收 E-mail 認證信件。

Số điện thoại di động của bạn hoặc số điện thoại công ty/chủ tại Đài Loan?

您在台灣使用的**手機號碼**或公司 / 雇主的電話 ?

⚠ Nếu bạn thay đổi số điện thoại, phải thông báo ngay cho ngân hàng. Điều này giúp ngân hàng có thể liên lạc xác nhận với bạn khi có thông báo quan trọng, hoặc khi có người từ nước ngoài gửi tiền cho bạn.

如果有更換手機號碼，一定要通知銀行。這樣銀行有重要訊息需通知，或他人從國外匯款給您時，才能跟您聯絡確認。

Khi mở tài khoản, ngân hàng sẽ hỏi các câu hỏi: Liên quan đến sử dụng tài khoản 開戶時，銀行會問的問題：使用帳戶有關的事情

Mục đích mở tài khoản của bạn là gì? (Ví dụ: Tài khoản dùng để nhận lương từ chủ lao động)

您開戶的目的為何？(例如：雇主發薪資要使用的帳戶)

Trước khi mở tài khoản, bạn đã từng đến ngân hàng, sử dụng qua dịch vụ của ngân hàng chưa?

您開戶前，有來過銀行、用過銀行的服務嗎？

Bạn có nhu cầu thường xuyên chuyển tiền cho một người cố định không?

您需要常常轉錢給固定的人嗎？

Bạn mong muốn tài khoản có tính năng nào

您希望帳戶有什麼功能？ Tính năng thẻ ghi nợ gắn chip 晶片金融卡功能

?

Bạn muốn kích hoạt tính năng nào của thẻ ghi nợ gắn chip

您想要開啟晶片金融卡以下哪些功能？

Gửi tiền 存款

Kiểm tra số dư
餘額查詢

Chuyển khoản 轉帳

Rút tiền 提款

Hạn mức rút tiền sẽ khác nhau tùy theo ngân hàng. Nếu rút tiền tại ATM của ngân hàng khác, có thể bị tính phí giao dịch. Vui lòng kiểm tra trước.

不同銀行的提款上限不一，且如果在其他銀行的自動提款機 (ATM) 領錢，銀行可能會向您收取手續費，建議提前查詢。

Chức năng thanh toán Visa hoặc Mastercard
Visa 或 Mastercard 簽帳功能

Vui lòng tham khảo trang 9.
請參考 p.9 說明。

Rút tiền mặt ngoài khu vực Đài Loan
在非台灣地區提領當地現鈔

Vui lòng tham khảo trang 10.
請參考 p.10 說明。

Nộp thuế, các loại hóa đơn và các khoản phí khác 繳納稅捐、各項帳單及費用

Thẻ ghi nợ gắn chip: Giới thiệu tính năng thanh toán

晶片金融卡：簽帳功能介紹

Chấp nhận thanh toán bằng thẻ tại các cửa hàng trực tiếp hoặc trực tuyến, có thể dùng thẻ này để thanh toán. 在接受刷卡支付的實體或線上店家，可以用這張卡片進行消費。

Trong tài khoản có bao nhiêu tiền, bạn chỉ có thể tiêu bấy nhiêu tiền. Sau khi thanh toán, **số tiền đó trong tài khoản sẽ không thể dùng được, sau đó ngân hàng sẽ trực tiếp trừ khoản tiền đó.**

帳戶裡面有多少錢，就可以消費多少錢。消費後，**帳戶裡面的這筆款項就不能使用，之後銀行會直接從帳戶裡面扣除。**

Hình thức số thẻ ghi nợ giao dịch 簽帳金融卡的卡號樣式

Nếu thanh toán trực tuyến, thì cần có **số thẻ ghi nợ (16 số), hiệu lực của thẻ (4 số), mã CVC (3 số).**

如果要進行線上刷卡，需要 **16 碼簽帳金融卡號碼、4 碼有效期限、**
3 碼 CVC。

Nếu chuyển khoản cho người khác hoặc nhận tiền chuyển khoản từ người khác, cần có **mã ngân hàng (3 số)** và **số tài khoản ngân hàng (10~14 số).**

如果要轉帳給別人 / 收別人的轉帳，需要 **3 碼銀行代號**及 **10-14 碼銀行帳號。**

⚠ Lưu ý: 提醒:

Tuyệt đối không tiết lộ số thẻ ghi nợ (16 số), hiệu lực của thẻ, mã bảo mật CVC (3 số) cho người khác biết, nếu biết được những thông tin trên, người khác có thể sử dụng thẻ của bạn để thanh toán.

16 碼的簽帳金融卡號、卡片有效期、3 碼 CVC 驗證碼絕對不可以讓其他人知道，否則其他人就可以用這張卡刷卡消費了。

Thẻ ghi nợ gắn chip: Giới thiệu tính năng rút tiền ngoài khu vực Đài Loan

晶片金融卡：在台灣以外地區的提款功能介紹

Có thể rút tiền tại các ATM quốc tế có logo "**Plus**" hoặc "**Cirrus**".

標有 **Plus**、**Cirrus** 標誌的 ATM 可以進行跨國提款。

Mật khẩu rút tiền ở khu vực ngoài Đài Loan là **mật khẩu 4 chữ số**.

在台灣以外地區的提款密碼是 **4 位數字密碼**。

⚠ Phí giao dịch sẽ khác nhau tùy theo quốc gia. Một số nơi có thể thu phí khá cao. Vui lòng kiểm tra thông tin trước khi sử dụng.

不同國家提款手續費不一，部分地區可能會較高，建議提前查詢。

Bạn mong muốn tài khoản có tính năng nào

您希望帳戶有什麼功能？ Ngân hàng trực tuyến và Ngân hàng di động 網路銀行與行動銀行

Kiểm tra số dư 餘額查詢

Có thể xem số dư tài khoản. 可以看帳戶裡還有多少錢。

Chuyển khoản 轉帳

Để bảo vệ an toàn cho tài khoản của bạn, sau khi bạn nhập số tài khoản ngân hàng của người nhận và số tiền cần chuyển, ngân hàng sẽ gửi tin nhắn SMS đến điện thoại của bạn, cung cấp mã xác thực gồm một dãy số và thông tin bạn vừa nhập.

為了保護帳戶的安全，在您輸入對方的銀行帳號及轉帳金額後，銀行會傳簡訊到您的手機，提供一串數字認證碼，以及您剛才輸入的資訊。

Sau khi xác nhận thông tin chính xác, vui lòng nhập mã xác thực từ tin nhắn SMS vào ngân hàng trực tuyến hoặc ứng dụng ngân hàng di động, khi đó tiền mới được chuyển đi cho người khác.

確認資訊都正確後，請在網路銀行或行動銀行輸入簡訊中的數字認證碼，錢才會轉給別人。

⚠ Không cung cấp mã xác thực cho người khác, để tránh bị lừa đảo.

數字認證碼請勿交給其他人，以防詐騙。

Lưu ý: Mỗi lần chuyển tối đa 50000 Đài tệ, mỗi ngày chuyển tối đa 100000 Đài tệ, mỗi tháng chuyển tối đa 200000 Đài tệ. (Mỗi ngân hàng có thể có quy định khác nhau)

注意：每次最多轉 5 萬、每天最多轉 10 萬、每個月最多轉 20 萬。(每家銀行可能都不一樣)

Ngân hàng di động / ngân hàng trực tuyến Đài Bắc Fubon

台北富邦行動 / 網路銀行

Sau khi hoàn tất mở tài khoản, ngân hàng sẽ cấp cho bạn

開戶完成後，銀行會給您的東西

Sổ tiết kiệm

存摺

Thẻ ghi nợ gắn chip

晶片金融卡

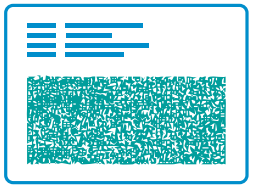

Phiếu mật mã

密碼單

Vui lòng quét mã QR để xem hướng dẫn chi tiết cách kích hoạt thẻ và thay đổi mật khẩu ngân hàng trực tuyến/ngân hàng di động.

詳細開卡流程及修改網路銀行 / 行動銀行密碼之方式請掃描 QRcode。

Cách thay đổi mật mã

如何修改密碼

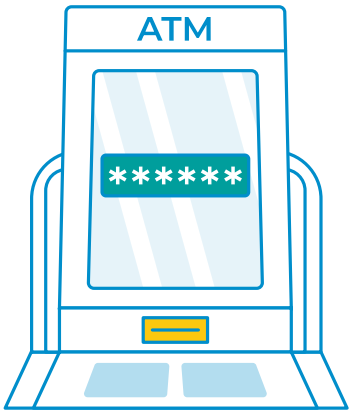

Để đảm bảo an toàn cho tài khoản, **thẻ ghi nợ gắn chip của bạn cần được kích hoạt mới có thể sử dụng**. Sau khi ngân hàng cấp thẻ ghi nợ và phiếu mật mã cho bạn xong, bạn vui lòng đến máy ATM của Ngân hàng Đài Bắc Fubon kích hoạt thẻ. Đưa thẻ ATM vào máy, dựa theo chỉ thị trên máy ATM nhập mật khẩu trên **phiếu mật khẩu**, sau đó đổi mật khẩu thành mật khẩu cá nhân của bạn (gồm 6~12 số). Sau khi đổi mật khẩu thành công, thẻ của bạn sẽ được kích hoạt.

為確保帳戶安全，**您的晶片金融卡須經開卡才能使用**，銀行給您金融卡和**密碼單**後，請您至台北富邦銀行 ATM 開卡；於 ATM 插入金融卡卡片，並依 ATM 指示輸入密碼單內的密碼，並變更為專屬您個人的使用密碼 (6-12 位數字)，變更密碼後就完成開卡了。

Nếu bạn đã đăng ký dịch vụ ngân hàng trực tuyến, **ngân hàng sẽ cung cấp phiếu mật khẩu ngân hàng trực tuyến để đăng nhập**. Khi lần đầu đăng nhập ngân hàng trực tuyến, màn hình sẽ hiển thị yêu cầu thay đổi mật mã.

如果您有申請網路銀行，**銀行會給您網路銀行密碼單**。初次登入網路銀行時，就會跳出修改密碼的畫面。

Các bước sử dụng máy ATM

自動提款機(ATM)的使用步驟

1

Chỗ cắm thẻ ghi nợ gắn chip: Đưa thẻ vào khe cắm của máy ATM, mặt chip hướng lên trên.

插入晶片金融卡的地方：晶片朝上把卡片插入自動提款機(ATM)。

2

Bàn phím số: Dùng để nhập mật mã, số tiền, hoặc tài khoản. Nếu thao tác sai, có thể nhấn hủy, thực hiện lại.

數字鍵盤：是用來輸入密碼、金額、帳號的地方。如果操作錯誤，可以按取消，就會重來一次。

3

Màn hình: Trên màn hình sẽ hiển thị các bước nạp tiền, rút tiền, hoặc chuyển tiền.

螢幕：螢幕中會顯示存錢、領錢、轉帳的每個步驟。

Các bước sử dụng máy ATM

自動提款機(ATM)的使用步驟

Khe nhận tiền: Nơi để tiền hoặc lấy tiền.

出鈔口：放錢或拿錢的地方。

Khe in biên lai: Sau khi hoàn tất nạp tiền, rút tiền hoặc chuyển tiền, nhấn nút in biên lai, biên lai sẽ được in ra từ đây.

明細表出口：完成存錢、領錢、轉帳後，點 **印出明細表** 按鈕，明細表會從這裡出來。

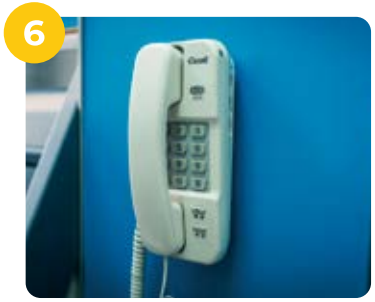

Điện thoại khẩn cấp: Nếu gặp phải tình trạng thẻ ghi nợ gắn chip bị máy nuốt, tiền không chạy ra, màn hình không phản ứng, hoặc các vấn đề khác, có thể nhấc điện thoại lên (không cần nhấn số), để liên hệ với nhân viên ngân hàng bằng tiếng Trung hoặc tiếng Anh.

緊急電話：如果遇到 ATM 沒有退回晶片金融卡、沒有提供鈔票、螢幕沒有反應，或使用上有問題，可以拿起這支電話**(不用撥號)**，以中文或英文聯繫銀行服務人員。

Dịch vụ tiếng nước ngoài tại máy rút tiền tự động (ATM)

自動提款機（ATM）的外語服務

Để sử dụng tính năng gửi tiền, rút tiền và kiểm tra số dư, có thể nhấp vào "**其他語言 Language (Ngôn ngữ khác)**", để đổi sang Tiếng Việt.

使用存款、提款、餘額查詢功能，可以點選「**其他語言 Language**」，更換為印尼文。

Máy rút tiền có giao diện tiếng Việt để **kiểm tra số dư** và **rút tiền**.

提款機有 **餘額查詢** 和 **提款** 的母語介面。

Máy nạp và rút tiền có thể chọn các chức năng: **kiểm tra số dư, rút tiền** và **gửi tiền**.

存提款機則有 **餘額查詢**、**提款** 和 **存款** 可以選擇。

Dùng máy ATM nạp tiền
用自動提款機（ATM）存錢

1

Đưa thẻ ghi nợ gắn chip vào máy ATM, chú ý mặt chip hướng lên trên.

把晶片金融卡插入自動提款機（ATM），記得晶片要朝上。

2

Dùng bàn phím để nhập mật mã của thẻ ghi nợ, nhập xong, nhấn nút **Xác nhận**.

在數字鍵盤輸入您的晶片金融卡密碼，輸入後，按下 **確認** 鍵。

3

Chọn vào **Gửi tiền** trên màn hình.

在螢幕點 **存款**。

4

Nếu muốn nạp tiền vào tài khoản ngân hàng của mình, chọn nút ***Thẻ ngân hàng này** trên màn hình.

如果要存進您的銀行帳戶：在螢幕點 **存入本張金融卡** 按鈕。

*Thẻ ngân hàng này: Là nạp tiền vào tài khoản của bạn.

*存入本張金融卡：就是把錢存入您的帳戶。

5

Đưa số tiền cần nạp vào khe nhận tiền, tiền không được gấp lại, cũng không được kèm các vật khác, ví dụ: dây chun.

把要存的鈔票放進出鈔口，鈔票不能折到，也不能有其他東西（例如橡皮筋）。

Dùng máy ATM nạp tiền

用自動提款機(ATM)存錢

6

Màn hình sẽ hiển thị số tiền bạn nạp, kiểm tra không có sai sót gì thì có thể nhấn **Đồng ý** và chọn **In biên lai**.

螢幕會顯示您存了多少錢，檢查沒有問題，就可以按 **確認** 及 **列印明細表** 按鈕。

7

Cuối cùng nhớ lấy **lại thẻ ghi nợ gắn chip** và **biên lai giao dịch**.

最後記得收回您的 **晶片金融卡** 和 **交易明細表**。

Dùng máy ATM rút tiền
用自動提款機（ATM）領錢

1

Đưa thẻ ghi nợ gắn chip vào máy ATM, chú ý mặt chip hướng lên trên.

把晶片金融卡插入自動提款機（ATM），記得晶片要朝上。

2

Dùng bàn phím để nhập mật mã của thẻ ghi nợ, nhập xong, nhấn nút **Xác nhận**.

在數字鍵盤輸入您的晶片金融卡密碼，輸入後，按下**確認**鍵。

3

Chọn vào **Rút tiền** trên màn hình.

在螢幕點 **提款**。

4

Nhập số tiền bạn muốn rút vào bàn phím, sau đó nhấn **Xác nhận**.

在數字鍵盤輸入您要領多少錢，就可以按 **確認**。

5

Nhấn nút **In hoá đơn giao dịch** trên màn hình.

在螢幕按 **列印明細表** 按鈕。

6

Nhận tiền từ khe nhận tiền và bỏ vào ví, nhớ lấy **lại thẻ ghi nợ gắn chip** và **biên lai giao dịch**.

從出鈔口把錢收進錢包，記得收回您的 **晶片金融卡** 和 **交易明細表**。

Dùng máy ATM chuyển tiền
用自動提款機(ATM)轉帳

1

Đưa thẻ ghi nợ gắn chip vào máy ATM, chú ý mặt chip hướng lên trên.

把晶片金融卡插入自動提款機（ATM），記得晶片要朝上。

2

Dùng bàn phím để nhập mật mã của thẻ ghi nợ, nhập xong, nhấn nút **Xác nhận**.

在數字鍵盤輸入您的晶片金融卡密碼，輸入後，按下**確認**鍵。

3

Chọn vào **Chuyển tiền** trên màn hình.

在螢幕點 **轉帳**。

4

Màn hình hiển thị thông báo "Số tiền của bạn sắp được chuyển đi, bạn có muốn tiếp tục giao dịch không?", nhắc nhở bạn: 螢幕會顯示「您的錢即將轉出，是否繼續操作?」，並提醒您：

1. ATM không thể hủy giao dịch trả góp, hoàn tiền
1. ATM 無法解除分期付款、退款

2. ATM chỉ hỗ trợ chuyển tiền đi, không có các tính năng khác
2. ATM 轉帳只能轉出存款，無其他功能

3. Để tránh bị lừa đảo, tuyệt đối không thao tác thực hiện giao dịch theo hướng dẫn của người lạ trên máy ATM
3. 為避免受騙上當，切勿依照他人指示操作 ATM 交易

Nếu bạn xác nhận giao dịch này không phải là lừa đảo, vui lòng chọn "**Xác nhận giao dịch**" để tiếp tục các bước tiếp theo. 若您確認本筆轉帳並非受詐騙而進行，請點選**「確認交易」**後，繼續進行下一步。

Dùng máy ATM chuyển tiền
用自動提款機(ATM)轉帳

Dùng bàn phím nhập thông tin của người nhận,

- Mã ngân hàng: Mã ngân hàng của người nhận,
- Số tài khoản: Số tài khoản của người nhận
- Số tiền giao dịch: Số tiền muốn chuyển.

用數字鍵盤輸入對方的資料，
- 銀行代號：對方的銀行代號、
- 轉入帳號：對方的帳號、
- 交易金額：要給對方多少錢。

Kiểm tra thông tin trên màn hình có đúng không, như: số tài khoản của người nhận, số tiền cần chuyển. Nếu đúng thì nhấn **Tiếp theo**; nếu sai cần nhấn **Hủy**.

檢查螢幕出現的資料對不對，像是對方的帳號、要給他的金額。如果對就按 **下一步**；不對要按 **取消**。

Trên màn hình sẽ hiển thị chi tiết giao dịch của bạn. Góc dưới màn hình, bạn có thể chọn "**in hoá đơn giao dịch**" hoặc "**không in hoá đơn giao dịch**"

螢幕上會顯示您這次的交易明細，下方按鈕可以選擇 **列印明細表** 或是 **不印明細表**。

Sau khi hoàn tất giao dịch, nhớ lấy **lại thẻ ghi nợ gắn chip** và **biên lai giao dịch**.

完成交易後，務必記得取回您的 **晶片金融卡** 和 **交易明細表**。

Những điều cần chú ý sau khi có tài khoản ngân hàng
有銀行帳戶後，要注意的事

Vui lòng tự bảo quản cẩn thận sổ tiết kiệm, thẻ ghi nợ và mật khẩu. Tuyệt đối không để thẻ và mật khẩu cùng một nơi hoặc giao cho người khác sử dụng.

請務必親自妥善保管您的存摺、金融卡和密碼，切勿將卡片及密碼存放在同一處或交由他人使用。

Nhớ mật mã của thẻ ghi nợ và ngân hàng trực tuyến. Nếu nhập sai mật khẩu quá nhiều lần, **tài khoản sẽ bị khóa và không thể sử dụng.** Nếu xảy ra tình trạng này, vui lòng đến ngân hàng để được nhân viên hỗ trợ.

要記得金融卡、網路銀行或行動銀行的密碼。若輸入密碼錯誤次數過多，**帳號會遭鎖定而無法使用**。如發生此情形，請至銀行請行員協助處理。

Chỉ cung cấp số tài khoản ngân hàng cho người đáng tin. Ví dụ: Chủ lao động cần chuyển lương cho bạn, có thể cung cấp số tài khoản ngân hàng cho chủ.

您的銀行帳號只能給信任的人。例如：老闆要轉薪水給您，就可以給老闆您的銀行帳號。

Nếu thẻ ghi nợ của bạn không may bị mất hoặc bị đánh cắp, hãy liên hệ ngay **tổng đài dịch vụ khách hàng 24/7 của Ngân hàng Đài Bắc Fubon (02)8751-6665**, để tiến hành khóa thẻ và mang con dấu gốc và đích thân đến bất kỳ chi nhánh nào của ngân hàng trên toàn Đài Loan để đăng ký cấp lại thẻ mới (phí 100 Đài tệ).

若您的金融卡不慎遺失或被竊，請立即聯繫**台北富邦銀行 24 小時客服專線 (02) 8751-6665**，辦理卡片掛失停用並攜帶原留印鑑親至全台分行重新申請補發新卡（費用為新台幣 100 元）。

Nếu không còn sử dụng tài khoản ngân hàng nữa, phải làm gì

若不再使用該銀行帳戶，該怎麼做

1

Kết toán tài khoản: Đảm bảo tài khoản không còn số dư hoặc các khoản chưa xử lý.

結清帳戶：確保帳戶中沒有餘額或未處理的款項。

2

Liên hệ ngân hàng: Tự đến ngân hàng và mang theo hộ chiếu, thẻ cư trú (ARC), sổ tiết kiệm và thẻ ghi nợ. Nếu tài khoản của bạn vẫn còn tiền, nhân viên ngân hàng sẽ yêu cầu bạn điền vào phiếu rút tiền, là có thể rút toàn bộ số tiền còn lại trong tài khoản.

聯繫銀行：親自前往銀行並攜帶護照、居留證、存摺及金融卡。如果您的帳戶中還有存款，銀行行員會請您填寫提款單，就可以領出帳戶內剩餘現金。

3

Hủy các giấy tờ liên quan: Sau khi đóng tài khoản, hủy tất cả các thẻ và sổ tiết kiệm liên quan.

銷毀相關文件：關戶後，銷毀與該帳戶相關的所有卡片、存摺。

⚠️Lưu ý: 注意：

1. Mỗi năm ngân hàng sẽ kiểm tra tất cả các tài khoản, và đóng băng các tài khoản không hoạt động trong thời gian dài. Nếu bạn không đóng tài khoản trước khi rời Đài Loan, sẽ ảnh hưởng đến giao dịch ngân hàng trong tương lai.

1. 銀行每年會檢視所有帳戶，並將長久沒使用的帳戶凍結。如果離境前沒有關閉帳戶，將影響未來與銀行往來。

2. **Tuyệt đối không bán tài khoản ngân hàng của mình cho người khác**, tránh bị kẻ gian lợi dụng vào mục đích phi pháp, ảnh hưởng đến quyền mở tài khoản ngân hàng của bạn trong tương lai.

2. **不要將帳戶販售給他人**，以免被不法人士利用，影響未來銀行開戶資格。

Cẩn thận lừa đảo
小心詐騙

Không được tuỳ ý cho người khác mượn hoặc sử dụng sổ tiết kiệm của bạn. Nếu người khác sử dụng tài khoản của bạn cho mục đích phạm tội, bạn có thể bị kết án hoặc ảnh hưởng đến điều kiện nhập cảnh vào Đài Loan trong tương lai.

不能隨便把存摺給別人、也不能借給別人。如果別人拿您的帳戶去犯罪，您可能會被判有罪或影響未來入境台灣的資格。

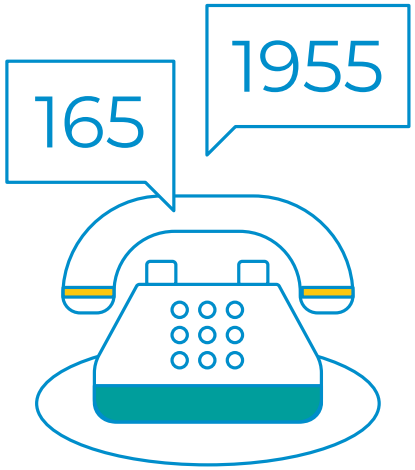

Nếu người lạ yêu cầu bạn đến ATM thao tác, có khả năng đó là lừa đảo. Nếu bạn nghi ngờ người lạ muốn lừa tiền của bạn, có thể gọi đường dây tư vấn chống lừa đảo **165 (phục vụ tiếng Trung và tiếng Anh 24/24)** hoặc **1955 (phục vụ tiếng Việt 24/24)**.

如果陌生人要您到 ATM 操作，就可能是詐騙。如果您懷疑陌生人想要騙您的錢，可以撥打 **165（24 小時中英文服務）或 1955（24 小時母語服務）**進行反詐騙諮詢。